BIỂU LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TIỀN GỬI DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

(Áp dụng từ ngày 16/11/2026)

I. TIẾT KIỆM TẠI QUẦY - VND (%/năm)

Kỳ hạn	TK thường lĩnh lãi đầu kỳ	Tiết kiệm thường lĩnh lãi định kỳ		Tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ				Tiền gửi Bảo An Lộc				Tiền gửi Phúc Lộc	Tiền gửi Trường Phát Lộc
		Hàng tháng	Hàng quý	TK Trường An Lộc	TK Tài Lộc	TK thường	TK 6th lãi 12	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Hàng tháng	Hàng quý	Lĩnh lãi 6th/lần	
01 tuần						0.50							
02 tuần						0.50							
03 tuần						0.50							
1 tháng	3.85					4.10		4.10	3.85				
2 tháng	3.85	3.86				4.10		4.10	3.85	3.86			
3 tháng	3.85	3.86		4.10		4.10		4.10	3.85	3.86			
4 tháng				4.10	3.20			4.10					
5 tháng				4.10	3.20								
6 tháng	4.30	4.50	4.55	4.75		4.75		5.10	4.30	4.50	4.55		5.10
6 tháng đầu							4.90						
6 tháng BQ							5.30						
7 tháng				5.10	4.10			5.10					
9 tháng	4.30	4.50	4.55			5.10			4.30	4.50	4.55		
12 tháng	4.30	4.55	4.60	5.30				5.30	4.30	4.55	4.60		5.30
13 tháng				5.30	4.30			5.30					
16 tháng				5.30	4.30								
18 tháng	3.90	4.40	4.50			5.30			3.90	4.40	4.50	5.30	
19 tháng				5.30	4.30								
24 tháng	3.60	4.30	4.40	5.40				5.40	3.60	4.30	4.40	5.40	
25 tháng				5.40	4.40								
30 tháng												5.50	
31 tháng				5.40	4.40								
36 tháng	3.10	4.00	4.10			5.40			3.10	4.00	4.10	5.60	
37 tháng				5.40	4.40								
364 ngày						5.20							
Lãi suất rút trước hạn	Không kỳ hạn												
Ưu đãi	KH được nhận lãi đầu kỳ	KH được nhận lãi định kỳ		LS hấp dẫn hơn sản phẩm khác cùng kỳ hạn	LS cạnh tranh			KH được nhận lãi đầu kỳ	KH được nhận lãi định kỳ			KH nhận lãi định kỳ với LS ưu đãi	LS hấp dẫn tại các kỳ quay vòng

II. TIẾT KIỆM KÊNH NGÂN HÀNG SỐ

1. TIẾT KIỆM EBANK (%/năm)

1.1. Tiết kiệm Điện tử và Tiết kiệm gửi góp, Trường Phát Lộc Online, Tiết kiệm nhận lãi đầu kỳ

KỲ HẠN	1 tuần	2 tuần	3 tuần	1 tháng	2 tháng	3 tháng	6 tháng	09 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng	36 tháng
TK Điện tử	0.50	0.50	0.50	4.75	4.75	4.75	5.50	5.50	5.70	5.70	5.80	5.80
TK gửi góp				0.50	3.75	3.75	3.75	3.75	3.75	3.75	3.75	3.75
TPL Online							5.50		5.70			
TK nhận lãi đầu kỳ				4.05	4.05	4.05	4.50	4.50	4.50	4.10	3.80	3.30

1.2. Tiết kiệm nhận lãi hàng tháng

KỲ HẠN	2 tháng	3/4/5 tháng	6/7/8 tháng	9/10/11 tháng	12 tháng	13 tháng	16 tháng	18 tháng	19 tháng	24 tháng	30 tháng	36 tháng
TK nhận lãi hàng tháng	4.21	4.21	4.60	4.80	4.85	4.85	4.85	4.60	4.60	4.50	4.50	4.20

2. TIẾT KIỆM LIVEBANK (%/năm)

KỲ HẠN	1/2/3 tuần	1 tháng	2 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng	36 tháng	6 tháng đầu	6 tháng BQ
TK VTM	0.50	4.65	4.65	4.65	5.45	5.45	5.65	5.65	5.75	5.75		
TK gửi 6th lãi 12											5.20	5.65

3. TIẾT KIỆM SAVY (%/năm)

KỲ HẠN	1 tháng	2 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng	36 tháng
Gửi góp Savy	0.50	3.65	3.65	3.65	3.65	3.65	3.65	3.65	3.65
Super Savy			4.55	5.45	5.45	5.65	5.65	5.75	

III. LÃI SUẤT CÁC LOẠI NGOẠI TỆ (%/năm)

KỲ HẠN	LĨNH LÃI CUỐI KỲ							TIỀN GỬI BẢO AN LỘC
	USD	EUR	AUD	GBP	SGD	CAD	JPY	USD
KKH	0.00	0.00	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.00
1 tuần	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-
2 tuần	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-
3 tuần	0.00	0.00	-	-	-	-	-	-
1 tháng	0.00	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.00
2 tháng	0.00	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.00
3 tháng	0.00	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.00
6 tháng	0.00	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.00
9 tháng	0.00	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	-
12 tháng	0.00	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.00
18 tháng	0.00	0.01	-	-	-	-	-	-
24 tháng	0.00	-	-	-	-	-	-	0.00
36 tháng	0.00	-	-	-	-	-	-	-

IV. LÃI SUẤT KHÔNG KỲ HẠN VND (%/năm)

SỐ DƯ BẬC THANG	LÃI SUẤT
Số dư KKH cuối ngày dưới 200 triệu đồng	0.050
Số dư KKH cuối ngày từ 200 – dưới 500 triệu đồng	0.075
Số dư KKH cuối ngày từ 500 triệu đồng trở lên	0.100

Ghi chú:

- *Lãi suất được áp dụng theo từng sản phẩm tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn quy định tại quyết định này.*
- *Trường hợp Khách hàng rút một phần hoặc tất toán tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn trước hạn thì lãi suất áp dụng là lãi suất không kỳ hạn thấp nhất có hiệu lực tại thời điểm rút một phần hoặc tất toán trước hạn.*
- *TPBank có thể áp dụng mức lãi suất khác với Biểu lãi suất này đối với một số Khách hàng, đảm bảo không vượt trần lãi suất do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho từng kỳ hạn tại thời điểm áp dụng.*